

Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1983; Địa chỉ: Thôn V, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2/ Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 3 năm 2022 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 28/7/2007.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 3 con chung gồm:

1/ Cháu Nguyễn Nhất A1, sinh ngày 07/3/2008

2/ Cháu Nguyễn Đức A2, sinh ngày 18/01/2010

3/ Cháu Nguyễn Quốc A3, sinh ngày 18/3/2015

Trên cơ sở nguyện vọng của cả ba cháu Nhất A1, Đức A2, Quốc A3, anh H và chị H1 thỏa thuận giao cả hai cháu Nguyễn Nhất A1, sinh ngày 07/3/2008 và cháu

Nguyễn Đức A2, sinh ngày 18/01/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Quốc A3, sinh ngày 18/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết

[5] Về nợ chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có một số nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh H chịu toàn bộ Lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhất A1, sinh ngày 07/3/2008 và cháu Nguyễn Đức A2, sinh ngày 18/01/2010 cho anh Nguyễn Văn H và giao cháu Nguyễn Quốc A3, sinh ngày 18/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cả ba cháu Nhất A1, Đức A2 và Quốc A3 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có một số nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001849 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Anh H đã nộp đủ lệ phí

Tòa án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Phong Xuân;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Đạt**